TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ
TP ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:115 /2017/DS-ST
Ngày: 25/9/2017
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Trình
2. Ông Nguyễn Tấn Thức

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tú Uyên - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ , thành phố Đà Nẵng *tham gia phiên tòa*: Ông Đặng Thái Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2017/ QĐST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N; địa chỉ: số 201-203 đường T, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm An N, chức vụ: cán bộ xử lý nợ, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo văn bản ủy quyền số: 08/2017/UQ-NHN ngày 22/9/2017); có mặt

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Phương T, sinh năm: 1977; địa chỉ: Số 09 đường Đ, phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 12 năm 2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm An N trình bày:

Ngày 22 tháng 07 năm 2015, Ngân hàng Thương mại cổ phần N có cho bà Trần Thị Phương T vay số tiền 850.000.000đ (tám trăm năm mươi triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 0494/2015/408; mục đích vay là để hoàn vốn mua bất động sản (mua nhà để ở); lãi suất cho vay là 13%/năm, thời hạn vay là 180 tháng;

kế hoạch trả nợ: trả lãi và gốc hàng tháng. Đến ngày 30 tháng 12 năm 2015, Ngân hàng Thương mại cổ phần N tiếp tục cho bà Trần Thị Phương T vay số tiền 110.000.000đ(một trăm mười triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 0962/2015/408; mục đích vay là để vay tiêu dùng nhỏ (mua sắm vật dụng trong gia đình); lãi suất cho vay là 11,4%/năm, thời hạn vay là 12 tháng; kế hoạch trả nợ: trả lãi và gốc hàng tháng

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho hai khoản vay trên, bà Trần Thị Phương T đã thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: lô 602-B2.14, khu tái định cư T, phường Đ, quận L, tp. Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 449416, số vào sổ cấp GCN: CTs 68447 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24 tháng 6 năm 2015 đứng tên bà Trần Thị Phương T, cụ thể như sau: thửa đất số 79, tờ bản đồ số 13, có diện tích: 100m^2, nhà ở trên đất: nhà cấp 3, một tầng, gác đúc; có diện tích 71,0m^2, diện tích sàn: 117,1m^2.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trần Thị Phương T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần N. Mặc dù, Ngân hàng Thương mại cổ phần N đã nhiều lần liên lạc, thông báo, làm việc trực tiếp với bà T nhưng bà T vẫn trốn tránh, chây ì gây khó khăn cho Ngân hàng trong việc thu hồi nợ. Vì vậy, trong đơn khởi kiện ngày 21/12/2016, Ngân hàng TMCP N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Phương T trả dứt điểm một lần số tiền nợ là 945.985.918đ. Trong đó, nợ gốc là 906.668.777đ và nợ lãi tạm tính đến ngày 19/12/2016 là 39.317.141đ. Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết bà T đã thanh toán cho ngân hàng được toàn bộ phần nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số 0962/2015/408 ngày 30/12/2015 và một phần nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số 0494/2015/408 ngày 22/7/2015 với số tiền là 312.163.191đ.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên yêu cầu Tòa án buộc bà T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ là 731.053.543đ (bảy trăm ba mươi mốt triệu không trăm năm mươi ba ngàn năm trăm bốn mươi ba đồng). Trong đó, nợ gốc là 654.760.000đ, nợ lãi tính đến ngày xét xử, ngày 25/9/2017 là 76.293.543đ và yêu cầu trả tiền lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi thanh toán xong khoản nợ với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nếu bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp bao gồm Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho bà Trần Thị Phương T và đã nhiều lần triệu tập bà T đến Tòa án để tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Thảo vẫn không đến nên không có lời khai của T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn bà Trần Thị Phương T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng nhưng hiện nay bà T đang cư trú tại địa chỉ số 09 đường Đ, phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Phương T là bị đơn trong vụ án không có yêu cầu phản tố đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Thảo.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Theo cam kết trong hợp đồng tín dụng số 0494/2015/408 ngày 22/7/2015 và hợp đồng tín dụng số 0962/2015/408 ngày 30/12/2015 thì hàng tháng bà T phải có nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi cho ngân hàng, nhưng bà T không thực hiện đúng cam kết, đã vi phạm mục 8 và 9 của hai Hợp đồng tín dụng trên. Do vậy, Ngân hàng Thương mại cổ phần N khởi kiện bà T là có căn cứ. Trong đơn khởi kiện, Ngân hàng Thương mại cổ phần N yêu cầu bà T trả số tiền nợ là 945.985.918đ. Trong đó, nợ gốc số tiền là 906.668.777đ và số tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 19/12/2016 là 39.317.141đ. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, bà T đã thanh toán cho Ngân hàng được toàn bộ phần nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số 0962/2015/408 ngày 30/12/2015 với số tiền là 124.682.250đ và một phần nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số 0494/2015/408 ngày 22/7/2015 với số tiền là 187.480.941đ, tổng cộng là 312.163.191đ (ba trăm mười hai triệu một trăm sáu mươi ba ngàn một trăm chín mươi mốt đồng).Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bà T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ là 731.053.543đ. Trong đó, nợ gốc là 654.760.000đ, nợ lãi tính đến ngày xét xử, ngày 25/9/2017 là 76.293.543đ và yêu cầu trả tiền lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi thanh toán xong khoản nợ với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng số 0494/2015/408 ngày 22/7/2015 đã ký kết.

Do bà T đã không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị Phương T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền nợ là 731.053.543đ (bảy trăm ba mươi mốt triệu không trăm năm mươi ba triệu năm trăm bốn mươi ba đồng). Trong đó, nợ gốc là 654.760.000đ, nợ lãi tính đến ngày 25/9/2017 là 76.293.543đ là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng và Điều 471, Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà

khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[4] Về xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho hai khoản vay trên, bà Trần Thị Phương T đã thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Lô 602-B2.14, khu tái định cư T, phường Đ, quận L, tp. Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 449416, số vào sổ cấp GCN: CTs 68447 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24 tháng 6 năm 2015 đứng tên bà Trần Thị Phương T, cụ thể như sau: thửa đất số 79, tờ bản đồ số 13, có diện tích: 100m^2, nhà ở trên đất: nhà cấp 3, một tầng + gác đúc; có diện tích 71,0m^2, diện tích sàn: 117,1m^2, thể hiện trong Hợp đồng thế chấp tài sản số 0494-01/2015/408-BĐ ngày 22/7/2015 và Hợp đồng bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 0494-01PL.01/2015/408-BĐ ngày 30/12/2015.

Ngày 26/5/2017, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ theo yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần N đối với tài sản thế chấp nêu trên thì thấy thì thấy hiện trạng như sau: Thửa đất số 79, tờ bản đồ số 13, có diện tích: 100m^2, trên đất xây dựng một ngôi nhà cấp 3, 01 tầng + gác đúc,diện tích xây dựng: 71,0m^2, diện tích sàn: 117,1m^2 được ghi nhận Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 449416, số vào sổ cấp GCN: CTs 68447 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24 tháng 6 năm 2015 mang tên bà Trần Thị Phương T. Ngoài ra, bà T còn xây dựng thêm phần diện tích 29 m^2 (5mx5,8m) có kết cấu tường xây, mái tôn, nền xi măng. Thửa đất và công trình xây dựng trên đất hiện do bà T quản lý, sử dụng. Thửa đất có tứ cận như sau: hướng Đông giáp đất trống, hướng Tây giáp nhà và đất bà Nguyễn Thị Thanh P, hướng Nam giáp mương thoát nước, hướng Bắc giáp đường Đ.

Do vậy, trong trường hợp bà Trần Thị Phương T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP Đông N thì toàn bộ tài sản đã thế chấp trên được xử lý theo Điều 355 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Ngân hàng Thương mại cổ phần N có nghĩa vụ trả lại giấy chứng Quyền sử dụng đất số CA 449416, số vào sổ cấp GCN: CTs 68447 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24 tháng 6 năm 2015 đứng tên bà Trần Thị Phương T cho bà T sau khi bà Thảo thanh toán xong các khoản nợ trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

[5] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân thủ theo đúng quy

định tại các điều 203, 205, 208 đến 211, 220, 233 của pháp luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Bị đơn bà Trần Thị Phương T chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

-Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần N đối với bà Trần Thị Phương T. Buộc Trần Thị Phương T phải trả Ngân hàng số tiền nợ là 731.053.543đ (bảy trăm ba mươi mốt triệu không trăm năm mươi ba nghìn năm trăm bốn mươi ba đồng). Trong đó, nợ gốc là 654.760.000đ, nợ lãi tính đến ngày 25/9/2017 là 76.293.543đ và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh tiếp theo tính từ ngày 26/9/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng số 0494/2015/408 đã ký kết.

Về án phí, chi phí tố tụng: Bà T phải chịu theo quy định

[6] Án phí, chi phí tố tụng:

- Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần N nên bà Trần Thị Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000đ + 4% (331.053.543đ) = 33.242.141đ. Ngân hàng Thương mại cổ phần N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là là 20.189.788đ theo biên lai thu tiền số 0005641 ngày 10 tháng 01 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận C, thành phố Đà Nẵng.

- Về chi phí tố tụng: Lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000đ (hai triệu đồng), bà Trần Thị Phương T phải chịu, nhưng Ngân hàng Thương mại cổ phần N đã tạm ứng trước. Do vậy, bà Trần Thị Phương T phải có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2005; các điều 147, 266, 267, 273 và khoản 2 Điều 227; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N. Buộc bà Trần Thị Phương T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền là 731.053.543đ (bảy trăm ba mươi mốt triệu không trăm năm mươi ba triệu năm trăm bốn mươi ba đồng). Trong đó, nợ gốc là 654.760.000đ (sáu trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng), nợ lãi tính đến ngày 25/9/2017 là 76.293.543đ(bảy mươi sáu triệu hai trăm chín mươi ba nghìn năm trăm bốn mươi ba đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp bà Trần Thị Phương T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N thì toàn bộ tài sản thế chấp là Thửa đất số 79, tờ bản đồ số 13, có diện tích: 100m^2 và phần xây dựng trên đất là một ngôi nhà cấp 3, 01 tầng gác đúc,diện tích xây dựng: 71,0m^2, diện tích sàn: 117,1^2 được ghi nhận Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 449416, số vào sổ cấp GCN: CTs 68447 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24 tháng 6 năm 2015 mang tên bà Trần Thị Phương T. Phần xây dựng thêm có diện tích 29m^2 (5mx5,8m), kết cấu tường xây, mái tôn, nền xi măng. Thửa đất có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp đất trống, hướng Tây giáp nhà và đất bà Nguyễn Thị Thanh P, hướng Nam giáp mương thoát nước, hướng Bắc giáp đường Đ, được xử lý theo Điều 355 của Bộ luật dân sự năm 2005.

4. Ngân hàng Thương mại cổ phần N có nghĩa vụ trả lại giấy chứng Quyền sử dụng đất số CA 449416, số vào sổ cấp GCN: CTs 68447 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24 tháng 6 năm 2015 đứng tên bà Trần Thị Phương T cho bà T sau khi bà Thảo thanh toán xong các khoản tiền trên cho ngân hàng.

5. Án phí dân sự sơ thẩm là 33.242.141đ (ba mươi ba triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn một trăm bốn mươi mốt đồng) bà Trần Thị Phương T phải chịu. Ngân hàng Thương mại cổ phần N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là là 20.189.788đ theo biên lai thu tiền số 0005641 ngày 10 tháng 01 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận C, thành phố Đà Nẵng.

6. Về chi phí tố tụng: Lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000đ (hai triệu đồng), bà Trần Thị Phương T phải chịu. Nhưng Ngân hàng Thương mại cổ phần N đã tạm ứng trước. Do vậy, bà Trần Thị Phương T phải có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng).

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND quận Cẩm Lệ;*
- *Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;*
- *Tòa án nhân dân tp. Đà Nẵng;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lệ Hằng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
THẨM
- *Đương sự;*

TÒA
- *VKSND quận Cẩm Lệ;*
- *Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;*
- *Tòa án nhân dân TP. Đà Nẵng;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN

Nguyễn Thị Lệ Hằng

Nơi nhận:
- *VKSND quận Cẩm Lệ;*
- *Các đương sự;*
- *Chi cục THA quận Cẩm Lệ*
- *L- u hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Đức Thọ